
Bản án số 139/2019/HC-PT
Ngày 23/8/2019
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào, ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 105/2019/TLPT-HC ngày 25/02/2019 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2018/HC-ST ngày 21/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 859/2019/QĐ-PT ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Đ, sinh năm 1955; địa chỉ: Khôi T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; vắng có đơn đề ngày 22/8/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Trương Văn D (Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng), địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; ông D có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ trụ sở: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo Giấy ủy quyền số 39/UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H là ông Nguyễn Thế H (Phó chủ tịch UBND thành phố H); ông Hùng có đơn ngày 19/8/2019 “*đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trên với sự vắng mặt của tôi*”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn X; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố H là người bị kiện.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2017 của ông Trần Đ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì:

Cha ông Trần Đ là cụ Trần P khi còn sống tạo lập được nhà trên mảnh đất thổ cư (hiện nay có địa chỉ tại khối T, phường C, thành phố H). Sau khi cụ Phỉnh chết thì ông Trần Đ tiếp tục sử dụng nhà đất và đăng ký kê khai theo Quyết định số 201/CP đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.268m² “loại đất thổ cư”. Ngày 20/8/2016, ông Trần Đ gửi Đơn tới Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đ đối với thửa đất 222 nêu trên. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H sau khi kiểm tra, đo đạc hiện trạng sử dụng đất đã lập hồ sơ chuyển Ủy ban nhân dân phường C để UBND phường C xác nhận nguồn gốc sử dụng đất theo quy định.

Ngày 28/9/2016, UBND phường C có Phiếu chuyển số 06/PC- UBND gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H ghi ý kiến: “Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.268m², hộ ông Trần Đ đã đăng ký theo theo Quyết định 201/CP do biến lở xâm nhập vào đất liền nên hộ ông Đ được Nhà nước di dời cấp đất lại ở đường Lạc Long Quân, khối T, phường C. Thửa đất số 222 từ thời điểm đó đến nay hộ ông Đ không sử dụng vào mục đích nhà ở và hiện tại thửa đất nằm trong khu quy hoạch khu du lịch năm sao H Holiday. Năm 2004, hộ ông Đ đã nhận tiền bồi thường. Vì vậy, UBND phường C không thể ký xác nhận để cấp GCNQSDĐ cho thửa đất trên”. Tháng 10/2016 ông Trần Đ khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân thành phố H “*khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với người bị kiện là Ủy ban nhân dân phường C; yêu cầu UBND phường C phải thực hiện hành vi hành chính (ký xác nhận nguồn gốc sử dụng thửa đất 222 của hộ ông Trần Đ vào hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đ để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H trình UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Đ). Quá trình giải quyết vụ án hành chính, do hai bên đối thoại được với nhau nên tại Quyết định số 01/2017/QĐST-HC ngày 04/01/2017 Tòa án nhân dân thành phố H quyết định công nhận kết quả đối thoại và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính, công nhận kết quả đối thoại theo đó “*UBND phường C chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện, thực hiện việc ký xác nhận vào hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đ. Ông Trần Đ rút đơn khởi kiện vụ án hành chính*” (bút lục 44).

Ngày 13/01/2017, ông Trần Đ nộp Đơn tại Văn phòng tiếp công dân UBND thành phố H, yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 22 cho hộ gia đình ông Trần Đ. Ngày 07/8/2017, UBND thành phố H ban hành Công văn số 2859/UBND trả lời ông Đ là không đồng ý với yêu cầu của ông Đ yêu cầu về lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 222 vì: “*Tại thời điểm thực hiện bồi thường thiệt hại dự án Khu du lịch biển T thì diện tích đất hộ ông Trần Đ đang sử dụng đã được UBND thành phố H tiến hành kiểm kê theo thực tế và đã bồi thường đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm đó*”.

Nay ông Đ khởi kiện cho rằng thửa đất 222 nêu trên là đất thổ cư do cha mẹ Ông tạo lập để lại và Ông đã kê khai đăng ký sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách đất đai của Nhà nước và hiện vẫn đang quản lý, sử dụng. Trong khi

chưa có quyết định thu hồi đất và quyết định về bồi thường hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình Ông đối với thửa đất 222 nêu trên; nhưng năm 2004 UBND thị xã H cho kê khai nhà cửa đất đai hoa màu trên đất và trả tiền đền bù đối với thửa đất 222 của hộ gia đình Ông nói riêng, cũng như các hộ dân khác trong khu vực nói chung là không đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa, vợ chồng Ông không được nhận tiền nên lúc đầu ông Đ đề nghị giám định chữ ký tại *Giấy nhận tiền* BTTH-GPMB, nhưng sau đó ông Đ rút yêu cầu này vì biết chữ ký trong *Giấy nhận tiền* là của anh Hùng (con trai Ông Bà), tuy nhiên, ông Đ trình bày anh Hùng nhận tiền không giao lại cho Ông Bà và Ông Bà không được biết thửa đất 222 của gia đình Ông Bà bị thu hồi. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: (i). Hủy Công văn trả lời số 2859/UBND ngày 07/8/2017 của UBND thành phố H về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 222 cho hộ gia đình ông Đ; (ii). Buộc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 222 cho hộ gia đình ông Trần Đ; (iii). Buộc UBND thành phố H thực hiện đúng trình tự, thủ tục khi thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Đ đối với thửa đất 222 theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 222 cho gia đình ông Đ.

- *Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

+ Hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ đối với thửa đất ông Trần Đ khởi kiện, thể hiện: (i). Ông Trần Đ kê khai sử dụng thửa đất số 222, tờ bản đồ 03, diện tích 2.268m² theo Chỉ thị 299/TTg (đo vẽ bản đồ và lập sổ mục kê vào năm 1983) chứ không phải ông Trần Đ có tên tại Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính nên thuộc trường hợp không có các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013. Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP thể hiện ông Trần Đ kê khai sử dụng thửa đất số 332, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã C (cũ), diện tích 1.451m², loại đất hoang bằng, do UBND xã C (cũ) quản lý. Hồ sơ đo đạc theo hệ tọa độ VN.2000 thì thửa 222 của hộ ông Đ là một phần thửa 88, tờ bản đồ số 13, bản đồ địa chính phường C, diện tích 40.954,6m², loại đất rừng sản xuất do UBND phường C quản lý; (ii). Về quy hoạch sử dụng đất: Vị trí đất ông Trần Đ khiếu kiện hiện nay thuộc phạm vi thực hiện dự án khu du lịch ven biển 5 sao H - Holiday do Công ty Cổ phần đầu tư H - T thực hiện, nằm trong phần diện tích đất thương mại, dịch vụ được UBND tỉnh Quảng Nam cho Công ty cổ phần đầu tư H - T thuê và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 681752 ngày 26/01/2015, thời hạn thuê đất đến tháng 7/2057; (iii). Về công tác thu hồi, bồi thường: Tại thời điểm thực hiện bồi thường thiệt hại dự án thì diện tích đất hiện nay ông Trần Đ khiếu kiện đã được UBND thành phố H tiến hành kiểm kê theo thực tế sử dụng và đã bồi thường đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tại thời điểm đó; hộ ông Trần Đ đã thống nhất nhận tiền đền bù vào năm 2004 (có Biên bản kiểm kê, bảng tính giá trị đền bù giải tỏa, Phiếu chi và Giấy nhận tiền).

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ yêu cầu buộc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 222, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² cho hộ ông Đ thì thửa đất này UBND thành phố H đã thu hồi, bồi thường

đúng quy định và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 681752 ngày 26/01/2015 cho Công ty cổ phần Đầu tư H - T thuê đến tháng 7/2017 nên không đồng ý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này cho hộ ông Đ.

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ yêu cầu Tòa án xem xét lại quy trình, thủ tục thu hồi đất khi thực hiện dự án Khu du lịch biển T (trong khu vực đất thu hồi giao cho Dự án có thửa đất số 222 của gia đình ông Trần Đ) thì UBND thành phố H không đồng ý vì việc thu hồi, bồi thường đã thực hiện xong năm 2004, các hộ gia đình đã nhận tiền đền bù vào các ngày 24/12/2004, 25/12/2004 nên thời hiệu khởi kiện đã hết.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2018/HC-ST ngày 21/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 173; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đôi với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² tại khối T, phường C, thành phố H cho hộ ông Trần Đ.

2. Bác yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Công văn số 2859/UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xem xét lại quy trình thủ tục thu hồi đất của UBND thành phố H đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² tại khối T, phường C, thành phố H của hộ ông Trần Đ tại thời điểm thực hiện việc bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất dự án Khu du lịch biển T.

Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ vào năm 2004 đối với hộ ông Trần Đ tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² tại khối T, phường C, thành phố H là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H phải thực hiện lại thủ tục thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Đ tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² tại khối T, phường C, thành phố H theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Ngày 05/12/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận được đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố H (nhưng ngày 24/12/2018 mới nhận được Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đề ngày 21/12/2018; tại Quyết định số 03/2019/QĐ-PT ngày 30/01/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của Ủy ban nhân dân thành phố H); nội dung đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Đ là không đúng, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ giải quyết vụ án đôi với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/2018/QĐ-VKS-HC ngày 20/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị bản án hành chính sơ thẩm nêu trên; đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

xét xử phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng đình chỉ yêu cầu xem xét lại trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Đ đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² tại khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam vì: “*Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2018/HC-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định năm 2004 bà Nguyễn Thị B (vợ ông Đ) và anh Trần Thanh H là con trai của ông Trần Đ đã đến UBND phường C để ký nhận tiền bồi thường khi UBND tỉnh Quảng Nam chưa ban hành Quyết định thu hồi đất là không đúng quy định pháp luật. (Vì đến năm 2007 UBND tỉnh Quảng Nam mới ban hành Quyết định thu hồi đất số 2171/QĐ-UBND ngày 11/7/2007). Do đó, việc UBND tỉnh Quảng Nam, UBND thành phố H không ban hành Thông báo, Quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật, nên gia đình ông Đ không biết, không khiếu nại, khởi kiện và căn cứ vào mục 5 phần V Giải đáp 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: “trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện” để tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ vào năm 2004 đối với hộ ông Trần Đ tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² tại khối T, phường C, thành phố H là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H phải thực hiện lại thủ tục thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Đ đối với thửa đất nói trên theo đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở. Bởi vì. Ông Trần Đ, bà Nguyễn Thị B bày cho rằng không biết việc thu hồi, bồi thường đất từ năm 2004 là không có cơ sở vì bà B là người tham gia kiểm đếm. Ông Đ, bà B đã nhận đủ tiền, do vậy ông bà buộc phải biết về việc thu bồi, bồi thường, hỗ trợ về đất. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam áp dụng Giải đáp 01 của Tòa án nhân dân tối cao trong trường hợp này là sai. Vì, Giải đáp 01 cho phép Tòa án xem xét các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện (cho dù các quyết định này đã hết thời hiệu khởi kiện) chứ không quy định đương sự được quyền khởi kiện đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính đã hết thời hiệu khởi kiện. Việc Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi đất mà không kịp thời ban hành quyết định thu hồi đất là không đúng trình tự thủ tục thu hồi đất, tuy nhiên do đã hết thời hiệu khởi kiện, nên theo quy định cần đình chỉ đối với nội dung khởi kiện của ông Trần Đ về yêu cầu Tòa án xem xét lại quy trình, thủ tục thu hồi diện tích đất của UBND thành phố H tại thời điểm thực hiện việc bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất dự án Khu du lịch biển T theo quy định pháp luật”.*

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

+ Người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay thì Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Hội đồng xét xử phúc thẩm ngày hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính 2015;

Về nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ đối với yêu cầu Tòa án xem xét lại quy trình, thủ tục thu hồi đất đối với thửa đất 222 của gia đình ông Trần Đ vì tuy UBND thành phố H thực hiện không đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất, nhưng năm 2004 gia đình ông Đ đã ký nhận tiền đền bù nên năm 2017 khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, căn cứ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ nhất* vào ngày 21/5/2019 thì: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có mặt; Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hoãn phiên tòa. *Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai* vào ngày 21/5/2019 thì: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có mặt; Người khởi kiện vắng mặt chưa rõ lý do; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có mặt, nhưng đề nghị hoãn phiên tòa vì người khởi kiện chưa nhận được giấy triệu tập và đề nghị Tòa án triệu tập lại phiên tòa lần sau có mặt người bị kiện để làm rõ một số vấn đề có liên quan; đại diện Viện kiểm sát đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hoãn phiên tòa. *Phiên tòa phúc thẩm hôm nay là phiên tòa mở lần thứ ba*: Người khởi kiện vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có mặt và đề nghị Tòa án xét xử vụ án; Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; theo bút phê ngày 09/8/2019 của ông Nguyễn Thế Hùng (Phó Chủ tịch UBND thành phố H) tại Giấy triệu tập phiên tòa mà Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gửi ông Hùng thì ông Hùng đã bút phê chuyển Giấy triệu tập này đến ông Nguyễn Xí là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, nhưng ông Nguyễn Xí vắng mặt; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án nên sau khi vào phòng nghị án hội ý Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quyết định xét xử vắng mặt UBND thành phố H (người kháng cáo), đồng thời xem xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2]. Trong Đơn khởi kiện và Đơn khởi kiện bổ sung, ông Trần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết 03 yêu cầu: (i). Yêu cầu hủy Công văn số 2859/UBND ngày 07/8/2017 của UBND thành phố H về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 222 cho hộ gia đình ông Đ; (ii). Buộc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 222 cho hộ gia đình ông Trần Đ; (iii). Buộc UBND thành phố H thực hiện đúng trình tự, thủ tục khi thu hồi đất, bồi

thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Đ đối với thửa đất 222 theo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Đ rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 222 cho hộ gia đình ông Trần Đ nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của ông Trần Đ là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2859/UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H (về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 222 cho hộ gia đình ông Đ) thì khu đất (trong đó có thửa đất 222 của hộ gia đình ông Đ) đã bị Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam thu hồi toàn bộ, giao cho Công ty cổ phần đầu tư H-T thuê và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Nam đã cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* cho Công ty cổ phần đầu tư H-T; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ yêu cầu hủy Công văn số 2859/UBND của Ủy ban nhân dân thành phố H là có cơ sở, đúng pháp luật và sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xét.

[4]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ yêu cầu xem xét lại trình tự, thủ tục mà UBND thành phố H tiến hành khi thu hồi thửa đất số 222, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² của hộ ông Trần Đ thì thấy:

[4.1]. Thửa đất ông Trần Đ khiếu kiện thể hiện tại hồ sơ quản lý đất đai của Nhà nước qua các thời kỳ (*bút lục 33 - Công văn số 685/UBND ngày 07/3/2018 của UBND thành phố H trả lời Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam*), như sau: Hồ sơ đăng ký theo Quyết định 201/CP là thửa đất số 222, tờ bản đồ số 4, bản đồ địa chính xã C (cũ) diện tích 2.268m² “*loại đất thổ cư*” do ông Trần Đ kê khai đăng ký sử dụng; Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP là thửa đất số 332, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã C (cũ) diện tích 1.451m² “*loại đất hoang bằng*” do UBND xã C quản lý.

[4.2]. Ủy ban nhân dân thành phố H (*tại Công văn 2859/UBND ngày 07/8/2017- bút lục 36 và trong hồ sơ vụ án*) trình bày: Sau cơn bão số 2 năm 1989 thửa đất số 222 của hộ ông Trần Đ có nguy cơ bị biển xâm thực nên Nhà nước đã thực hiện chính sách di dời, bố trí đất ở mới cho hộ ông Trần Đ tại khu Trại dân (nay là đường Lạc Long Quân) với diện tích khoảng 199,5m² thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 7, phường C. Năm 2004, thực hiện dự án khu du lịch biển T thì thành viên hộ gia đình ông Trần Đ có tham gia kê khai đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu và đã ký nhận tiền đền bù, nhưng gia đình ông Trần Đ vẫn đang tiếp tục sử dụng một phần thửa đất 222 để trồng cây cối, hoa màu (duyên liễu, măng cầu, dừa, cau, rau lang, sắn...vv) nên UBND thành phố H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ yêu cầu xem xét lại trình tự, thủ tục mà UBND thành phố H tiến hành khi thu hồi thửa đất 222. Trong khi đó, ông Trần Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Đ trình bày sau cơn bão số 2 năm 1989 thì do ảnh hưởng sóng to, gió lớn nên gia đình ông Đ đã tự di dời sâu vào phía trong (nay là đường Lạc Long Quân) để sinh sống, chứ không phải Nhà nước cấp đất cho Ông Bà di dời nơi ở và hiện nay Ông Bà vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất này. Xét thấy, đối với diện tích đất ở đường Lạc

Long Quân mà hiện nay gia đình ông Đ đang sử dụng là đất Nhà nước giao cho gia đình ông Đ khi thực hiện chính sách di dời hay gia đình ông Đ cùng các hộ dân trong khu vực tự di dời thì trình bày của UBND thành phố H và ông Đ không thống nhất và UBND thành phố H không cung cấp được Văn bản về việc giao diện tích đất này cho hộ ông Trần Đ nên không đủ cơ sở để kết luận vấn đề này. Đối với thửa đất số 222 tại khối T, phường C, thành phố H thì ông Trần Đ trình bày UBND thành phố H không ban hành quyết định thu hồi thửa đất này và đến nay Ông Bà vẫn đang sử dụng trồng dưa, nuôi cá (có ao) và nuôi heo (có chuồng); Ông Bà chưa được nhận tiền đền bù đất đai, nhà cửa cây cối hoa màu đối, còn chữ ký tại *Giấy nhận tiền đền bù* không phải của Ông Bà vì Ông Bà không biết chữ nên tại giai đoạn tố tụng sơ thẩm Ông Bà đã đề nghị giám định, nhưng sau đó biết là chữ ký của anh Hùng (con trai của Ông Bà ký nhận tiền khi đang học lớp 9, do Ban đền bù gọi ra nhận tiền) nên rút yêu cầu giám định, nhưng vẫn khẳng định không biết đến tiền đền bù vì anh Hùng nhận tiền mà không giao lại. Ngày 16/5/2018, Tòa án nhân dân Quảng Nam tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ (có lập Biên bản - bút lục 113), ghi nhận: Do Cán bộ địa chính địa phương không tham gia “*dẫn đạc*” chỉ mốc giới nên đại diện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H không thể tiến hành đo đạc được; Hội đồng chỉ tiến hành ghi nhận hiện trạng tài sản trên đất gồm “*01 hố bom (ao nuôi cá), 01 rừng gáo, 01 chuồng heo*”. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy UBND thành phố H không ban hành quyết định thu hồi thửa đất 222, trong khi vợ chồng ông Đ khẳng định không biết cụ thể thửa đất 222 của mình có chính thức bị thu hồi hay không, thủ tục thu hồi cụ thể thế nào? chưa đủ cơ sở xác định vợ chồng ông Đ nhận tiền tiền bù? cũng chưa đủ cơ sở xác định nếu có nhận tiền thì vợ chồng ông Đ có đồng ý với mức tiền bồi thường hay không? Như vậy, không đủ cơ sở xác định năm 2004 vợ chồng ông Đ biết thửa đất 222 của mình đã bị thu hồi và chấp nhận mức tiền đền bù (nếu vợ chồng ông Đ đã nhận), do đó kháng cáo của UBND thành phố H cũng như Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (cho rằng hộ ông Trần Đ đã biết đất bị thu hồi, chấp nhận và nhận đủ tiền đền bù từ năm 2004 nên đến nay mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện; do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đ về yêu cầu xem xét lại trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường hỗ trợ hộ ông Đ đối với thửa đất 222) là không có cơ sở để được chấp nhận.

[4.3]. Điều 39 Luật Đất đai 2003 (nay là Điều 67, 69 Luật đất đai 2013) quy định: “*2. Trước khi thu hồi đất, chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo thu hồi đất cho người bị thu hồi đất biết lý do thu hồi, thời gian và kế hoạch thu hồi, thời gian và kế hoạch di chuyển, phương án tổng thể về bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư; 3. Sau khi có quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, được công bố công khai, có hiệu lực thi hành, người bị thu hồi đất phải chấp hành quyết định thu hồi đất...*”. Ngày 31/5/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành **Thông báo** số 204/TB-UB (về việc *thỏa thuận địa điểm lập thủ tục đầu tư xây dựng Khu du lịch ven biển tại phường C, thị xã H do Công ty TNHH TM - DV T làm chủ đầu tư* - bút lục 142), giao Chủ đầu tư nghiên cứu lập

quy hoạch sử dụng đất chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong hạn 06 tháng; giao Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã H, UBND phường C, Công ty TNHH TM - DV T và các ban ngành có liên quan “*hướng dẫn, thực hiện đúng nội dung thông báo*”. Ngày 18/5/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam mới ban hành **Quyết định** số 1505/QĐ-UBND (V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết Tổng mặt bằng 1/500 Khu du lịch sinh thái ven biển H Holiday tại phường C, thị xã H - bút lục 145) và đến ngày 11/7/2007, UBND tỉnh Quảng Nam mới ban hành **Quyết định** số 2171/QĐ-UBND “*Thu hồi khu đất có diện tích 68.310m² tại khối T, phường C, thị xã H, giao cho Công ty cổ phần Đầu tư H- T thuê để thực hiện dự án Khu du lịch ven biển 5 sao H-Holiday...3.6. UBND thị xã H có trách nhiệm: - Thực hiện thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất liên quan nằm trong phạm vi ranh giới thực hiện dự án... - Chỉ đạo thực hiện việc bồi thường thiệt hại, hỗ trợ và bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành...*”. Tuy nhiên, trước đó vào các tháng 7, 8, 9 năm 2004, Ủy ban nhân dân thị xã H đã yêu cầu những hộ dân có đất nằm trong vùng quy hoạch Dự án (trong đó có hộ ông Trần Đ) kê khai đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu; áp giá đền bù và tháng 12/2004 đã chi trả tiền đền bù (bút lục 302 - 305) là không đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định tại Điều 39 Luật Đất đai 2003 (nay là Điều 67, 69 Luật Đất đai 2013). Đến nay, UBND thành phố H cũng chưa ban hành Quyết định về thu hồi đất, Quyết định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Nam tại **Quyết định** số 2171/QĐ-UBND ngày 11/7/2007 đối với thửa đất 222 mà hộ ông Trần Đ đang quản lý, sử dụng nên tại **Công văn** số 1512/STNMT-TTr ngày 17/9/2018 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cũng kết luận: “*UBND tỉnh quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất, trên cơ sở quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh, UBND cấp huyện ban hành quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể đối với từng hộ gia đình, cá nhân. Do đó, đối với dự án trên, việc chậm trễ trong việc ban hành các quyết định thu hồi đất cho từng hộ gia đình, cá nhân có đất bị ảnh hưởng là trách nhiệm của thành phố H*”.

[4.4]. Nguồn gốc thửa đất 222 (trên đất có nhà) tại khối T, phường C, thành phố H là do cụ Trần P (cha ông Trần Đ) tạo lập để lại. Ông Trần Đ tiếp quản sử dụng và đã kê khai sử dụng diện tích đất này qua các thời kỳ thực hiện các chính sách đất đai của Nhà nước (Quyết định 201/CP, Nghị định 64/CP). UBND thành phố H cho rằng thửa đất 222 nêu trên của hộ ông Trần Đ đã bị thu hồi, nhưng UBND thành phố H chưa ban hành Quyết định thu hồi diện tích đất này và hiện nay theo kết quả tại *Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ* do Tòa án nhân dân Quảng Nam thực hiện ngày 16/5/2018 thì gia đình ông Đ vẫn đang sử dụng thửa đất, trên đất có trồng nhiều dừa, có ao nuôi cá, có chuồng heo và không đồng ý bàn giao thửa đất cho UBND thành phố H; do đó, khi muốn thu hồi thửa đất 222 này thì UBND thành phố H không có cơ sở pháp lý (Quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai) để thực hiện thu hồi nên sẽ dẫn đến tranh chấp, khiếu nại kéo dài. Nếu tại Bản án hành chính phúc thẩm này Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ (đồng nghĩa với việc xác định UBND thành phố H không phải ban hành các Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho ông Đ đối với thửa đất 222) thì sau này UBND thành phố H muốn ban hành các Quyết định thu hồi đất,

bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Đ, bắt buộc phải kiến nghị với ông Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và ông Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm và xét xử giám đốc thẩm hủy bản án hành chính phúc thẩm này trước.

Từ [4.1] đến [4.4] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ, tuyên bố hành vi hành chính của UBND thành phố H {về việc không ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định về bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Trần Đ đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.268m² khối T, phường C, thành phố H; nhưng năm 2004 đã thực hiện hành vi cho hộ ông Trần Đ kê khai đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu tại thửa 222 nằm trong vùng Dự án và chi trả tiền đền bù} là không đúng quy định của pháp luật nên buộc UBND thành phố H phải thực hiện thủ tục thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Trần Đ đối với thửa đất số 222 theo đúng quy định tại Điều 39 Luật đất đai 2003 (nay là Điều 67, Điều 69 của Luật Đất đai 2013) là có cơ sở, đúng pháp luật. Tuy nhiên, theo trình bày của UBND thành phố H và các chứng từ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì có việc sau cơn bão số 2 năm 1989 hộ ông Trần Đ dời nhà ở vào khu vực (hiện nay ở đường Lạc Long Quân); có việc năm 2004 thành viên hộ gia đình ông Trần Đ tham gia kê khai đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu và nhận tiền; do đó, khi ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Trần Đ đối với thửa đất 222 nêu trên thì UBND thành phố H cần xem xét, quyết định bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước cũng như bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Trần Đ theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của UBND thành phố H cũng như Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; UBND thành phố H kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, cụ thể:

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242, 348, 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015, tuyên xử bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố H và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2018/HC-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam như sau:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 173; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² tại khối T, phường C, thành phố H cho hộ ông Trần Đ.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ về yêu cầu hủy Công văn số 2859/UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ về yêu cầu xem xét lại quy trình, thủ tục thu hồi đất của UBND thành phố H đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² tại khối T, phường C, thành phố H của hộ ông Trần Đ tại thời điểm thực hiện việc bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất dự án Khu du lịch biển T.

Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ vào năm 2004 đối với hộ ông Trần Đ tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² tại khối T, phường C, thành phố H là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H phải thực hiện lại thủ tục thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Đ đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.268m² tại khối T, phường C, thành phố H theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

II/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng UBND thành phố H đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu số 0000240 ngày 21/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam thì UBND thành phố H đã thi hành xong khoản tiền này.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế & Quản lý khoa học TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân